

# Không gian công cộng và kinh tế ban đêm: Khung khái niệm về mức độ phù hợp của không gian công cộng tại khu vực nội đô Hà Nội

Public space and night-time economy development: A conceptual framework of spatial suitability in Hanoi's inner City

> **THS.NCS NGUYỄN CÔNG DŨNG**

Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng (ACST) (Bộ Xây dựng)

Email: nguyendung.amc@gmail.com

## TÓM TẮT

Hà Nội đang thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm (KTBD) và từng bước hoàn thiện cơ chế khai thác không gian công cộng (KGCC) phục vụ các hoạt động ban đêm. Tuy nhiên, thực tiễn tại khu vực nội đô cho thấy kết quả phát triển không đồng đều: một số không gian duy trì được sức sống về đêm và khả năng thu hút người sử dụng liên tục, trong khi nhiều không gian khác có điều kiện khá tương đồng lại chưa hình thành được các hoạt động ban đêm bền vững. Thực tế này đặt ra câu hỏi về vai trò của KGCC trong sự hình thành và duy trì KTBD. Trên cơ sở tổng hợp lý thuyết về KGCC, nhịp thời gian đô thị và KTBD, kết hợp phân tích, đối chiếu các trường hợp điển hình tại nội đô Hà Nội, bài báo chỉ ra rằng sự khác biệt này không chỉ xuất phát từ chính sách hay hoạt động kinh doanh mà chủ yếu gắn với đặc điểm và cách thức vận hành của KGCC. Từ đó, bài báo đề xuất khái niệm “mức độ phù hợp của không gian công cộng” như một khung khái niệm để lý giải sự khác biệt trong phát triển KTBD, đồng thời gợi mở cơ sở lý luận cho quản lý KGCC theo trục thời gian nhằm thúc đẩy phát triển KTBD bền vững tại Hà Nội.

**Từ khóa:** Không gian công cộng; kinh tế ban đêm; nhịp thời gian đô thị; mức độ phù hợp không gian; nội đô Hà Nội.

## ABSTRACT

As Hanoi advances the development of the night-time economy while progressively establishing mechanisms for utilizing public spaces for night-time activities, significant disparities have emerged in the performance of different public spaces within the city's inner urban area. While some public spaces have sustained vibrant night-time activities and continuously attracted users, others with seemingly similar physical conditions have failed to develop a sustainable night-time economy. This raises an important question regarding the role of public space in the formation and long-term sustainability of the night-time economy. Drawing upon theories of public space, urban temporal rhythms, and the night-time economy, and through a comparative analysis of representative cases in Hanoi's inner urban area, this paper argues that these differences are primarily attributable to the intrinsic characteristics and temporal operation of public spaces rather than to policy interventions or commercial activities alone. Based on this analysis, the paper proposes the concept of spatial suitability as a conceptual framework for explaining variations in the development of the night-time economy. It further provides a theoretical foundation for managing public spaces through a temporal management approach to support the sustainable development of Hanoi's night-time economy.

**Keywords:** Public space; night-time economy; spatial suitability; urban temporal rhythms; Hanoi inner urban area.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, KTBD được nhiều quốc gia và đô thị xem như một động lực tăng trưởng mới nhằm mở rộng thời gian tiêu dùng và khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực không gian, hạ tầng và đời sống đô thị trong các khung giờ buổi tối và ban đêm. Tại Việt Nam, định hướng này đã từng bước được thể chế hóa và gắn

với yêu cầu phát triển đô thị bền vững [1], [2]. Riêng Hà Nội đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách liên quan, từ các quy định đặc thù của Luật Thủ đô [3] đến Đề án phát triển kinh tế ban đêm và các định hướng cải tạo, tái thiết khu vực nội đô [4], [5].

Tuy nhiên, thực tiễn tại Hà Nội cho thấy sự khác biệt đáng chú ý giữa các KGCC. Trong khi khu vực Hồ Gươm, phố cổ hay một số

không gian ven Hồ Tây duy trì được sức sống đô thị và thu hút các hoạt động kinh tế vào ban đêm, nhiều không gian khác dù được đầu tư hạ tầng tương đồng lại chưa hình thành được các hoạt động ban đêm ổn định. Sự khác biệt này cho thấy phát triển KTBD không chỉ phụ thuộc vào chính sách hay hoạt động kinh doanh mà còn gắn với cách tổ chức, vận hành và sử dụng không gian đô thị theo thời gian; từ đó đặt ra câu hỏi: đâu là vai trò thực sự của KGCC trong việc hình thành và duy trì các hoạt động ban đêm?

Tổng quan nghiên cứu cho thấy hai hướng tiếp cận liên quan chưa được kết nối đầy đủ. Các nghiên cứu về KTBD chủ yếu tiếp cận từ kinh tế, du lịch, thương mại và dịch vụ, trong đó KGCC thường được xem là nơi diễn ra hoạt động hơn là yếu tố định hình sự phát triển của KTBD [6], [7], [8]. Ngược lại, các nghiên cứu về KGCC và quy hoạch đô thị theo thời gian đã phát triển sâu các luận điểm về nhịp thời gian đô thị và sự biến đổi của hoạt động sử dụng không gian [9], [6], [10], nhưng hiếm khi liên kết với KTBD như một bài toán quản lý không gian. Vì vậy, câu hỏi vì sao những không gian tương đồng về điều kiện hạ tầng vật lý lại cho kết quả KTBD khác nhau chưa được lý giải một cách thấu đáo từ góc độ quản lý đô thị.

Từ khoảng trống nghiên cứu trên, bài báo tập trung làm rõ ba vấn đề chính. Thứ nhất, bản chất của KTBD trong cấu trúc vận hành của đô thị là gì. Thứ hai, vì sao và trong những điều kiện nào KGCC đóng vai trò nền tảng đối với KTBD. Thứ ba, quản lý KGCC theo trục thời gian bao gồm những nội dung vận hành cụ thể nào.

Để làm rõ các vấn đề trên, bài báo xem xét vai trò của không gian đô thị và cách thức vận hành không gian theo thời gian trong sự hình thành KTBD; lập luận được phát triển thông qua tổng hợp lý thuyết và đối chiếu các trường hợp tại khu vực Nội đô Hà Nội. Nghiên cứu lựa chọn KGCC, thay vì các công trình thương mại, dịch vụ hay không gian tư nhân, vì đây là loại không gian phản ánh rõ nhất mối quan hệ giữa đời sống công cộng, hoạt động xã hội và KTBD, đồng thời chịu tác động trực tiếp của các yêu cầu quản lý đô thị.

## 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

### 2.1. Từ vận hành đô thị theo thời gian đến bản chất KTBD

Để trả lời câu hỏi thứ nhất, cần nhìn đô thị không phải như một thực thể không gian tĩnh mà như một quá trình vận hành trong thời gian: con người không sống trong không gian vật lý thuần túy mà trong các nơi chốn được trải nghiệm đồng thời theo cả phương diện không gian và thời gian [9]. Hướng nghiên cứu và quy hoạch đô thị từ phương diện thời gian, phát triển mạnh ở châu Âu, nhấn mạnh vai trò của nhịp điệu đô thị (*urban rhythms*): mỗi đô thị vận hành theo những nhịp điệu riêng, phụ thuộc vào đặc điểm dân cư, cấu trúc hạ tầng và tập quán sử dụng không gian [10], [11].

KTBD có thể được hiểu như biểu hiện kinh tế của quá trình vận hành đô thị trong không gian và thời gian: cùng một KGCC có thể đảm nhận những trạng thái sử dụng khác nhau, từ hoạt động thường nhật ban ngày đến hoạt động buổi tối, ban đêm và giai đoạn phục hồi, mỗi trạng thái gắn với những nhu cầu và hình thức hoạt động kinh tế riêng. Khi đời sống đô thị mở rộng sang các khung giờ buổi tối và ban đêm, hình thành hiện tượng thành phố ban đêm (*night-time city*) hoặc thành phố 24 giờ, các hoạt động kinh tế gắn với trạng thái đô thị về đêm cũng xuất hiện, thường được thảo luận dưới các khái niệm “kinh tế buổi tối” (*evening economy*) và “kinh tế ban đêm” (*night-time economy*) [12], [8]. Các hoạt động này không phân bố đồng đều trong đô thị mà hình thành những không gian có mức độ sôi động, cách thức sử dụng và nhóm người tham gia khác nhau [7].

Trong nghiên cứu này, KTBD được tiếp cận trong khoảng thời gian từ 18h00 đến 06h00 sáng hôm sau, phù hợp với Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg

năm 2020 [1]; nghiên cứu đặc biệt quan tâm đến sự chuyển đổi giữa các trạng thái sử dụng và giai đoạn phục hồi từ 02h00 đến 06h00 như một bộ phận của quá trình quản lý KGCC.

Cách tiếp cận này đặt yếu tố không gian vào vị trí trung tâm của phân tích, thay vì chỉ tập trung vào bản thân các hoạt động kinh doanh. Sự khác biệt giữa hai cách tiếp cận trong việc xác định vai trò của KGCC, trọng tâm quản lý và trọng tâm phân tích được khái quát trong Bảng 1.

Bảng 1. So sánh hai cách tiếp cận trong nghiên cứu và quản lý KTBD

| Khía cạnh so sánh        | KTBD như một ngành kinh tế                     | KTBD như biểu hiện của trạng thái vận hành đô thị ban đêm                 |
|--------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Định hướng cách tiếp cận | Tập trung vào các hoạt động kinh doanh ban đêm | Xem hoạt động kinh tế là biểu hiện của trạng thái vận hành đô thị ban đêm |
| Vai trò của KGCC         | Không gian diễn ra các hoạt động kinh doanh    | Nền tảng của không gian đô thị được tổ chức và vận hành theo thời gian    |
| Trọng tâm quản lý        | Cấp phép, kinh doanh, an ninh                  | Quản lý và vận hành sử dụng không gian theo thời gian                     |
| Trọng tâm phân tích      | Quy mô và hiệu quả các hoạt động kinh tế       | Quan hệ giữa không gian công cộng, hoạt động kinh tế và vận hành đô thị   |

### 2.2. Vì sao KGCC đóng vai trò nền tảng

Khi KTBD được tiếp cận như biểu hiện của trạng thái vận hành đô thị ban đêm, KGCC không chỉ là nơi diễn ra các hoạt động mà trở thành điều kiện quyết định khả năng hình thành và duy trì các hoạt động đó. Trong nghiên cứu này, KGCC được hiểu theo nghĩa rộng, gồm các không gian mở có khả năng tiếp cận và sử dụng công cộng cao như quảng trường, công viên, vườn hoa, tuyến phố đi bộ; tính công cộng được xem xét qua khả năng tiếp cận, khả năng sử dụng và khả năng tham gia các hoạt động công cộng [6]. Cách hiểu này phù hợp với thực tiễn nội đô Hà Nội, nơi phần lớn hoạt động KTBD diễn ra trên các không gian mở có tính tiếp cận cao.

Vai trò nền tảng của KGCC không được quyết định bởi từng thuộc tính riêng lẻ mà bởi sự kết hợp của nhiều thuộc tính: đặc tính vật lý, mức độ đan xen chức năng, khả năng tiếp cận, khả năng thích ứng và văn hóa sử dụng không gian. Những không gian duy trì được hoạt động công cộng thường có khả năng tiếp cận tốt, linh hoạt về công năng và tạo điều kiện cho việc dùng chân, giao lưu, gặp gỡ [13], [14], [6]; cấu trúc đường phố và tổ chức không gian ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chống lợp các hoạt động theo thời gian [15], [16]; nhịp vận hành của mỗi không gian còn chịu tác động của điều kiện hạ tầng, thể chế và bối cảnh lịch sử, văn hóa [10]. Trong đó, văn hóa sử dụng không gian là thành phần quan trọng nhưng thường ít được chú ý: được phản ánh qua thói quen và tập quán sử dụng KGCC như đi bộ, dùng chân, gặp gỡ và giao lưu hình thành qua thời gian và góp phần tạo nên bản sắc nơi chốn (*place identity*) [17]. Khác với đời sống công cộng vốn có thể quan sát và đo đếm, văn hóa sử dụng không gian cần được bồi đắp theo thời gian: một quảng trường mới chỉ đủ điều kiện hạ tầng vật lý mà chưa tích lũy được tập quán sử dụng thì khó hình thành đời sống công cộng ổn định về đêm.

### 2.3. Quản lý KGCC theo trục thời gian gồm những nội dung gì?

Khi KGCC được xem là nền tảng vật chất của KTBD, nội dung quản lý cần chuyển từ quản lý hoạt động sang quản lý quá trình sử dụng không gian theo thời gian: trọng tâm không còn là các hoạt động kinh doanh riêng lẻ mà là cách không gian vận hành, chuyển đổi và thích ứng trong các khung thời gian khác nhau. Để án phát triển kinh tế đêm của Hà Nội đã bước đầu thể hiện cách tiếp cận này qua cơ chế phân vùng động, tĩnh, chuyển tiếp và các khung giờ hoạt động [4], [18]. Trên cơ sở đó, nội dung quản lý có thể phân thành ba lớp có quan hệ chặt chẽ; cách phân chia này kế thừa các nghiên cứu

về cộng hưởng thời gian, lập trình không gian và quản lý sự thay đổi theo thời gian [6], kinh nghiệm quản lý đô thị ban đêm [7], đồng thời tương đồng với công cụ quy hoạch theo thời gian tại một số đô thị châu Âu, nơi thành phố vận hành song song một kế hoạch không gian và một kế hoạch điều phối các thời gian của đô thị [19].

Lớp thứ nhất là quản lý trạng thái sử dụng, nhận diện và điều hành các trạng thái sử dụng khác nhau của cùng một không gian theo từng khung thời gian. Lớp thứ hai là quản lý cường độ sử dụng, kiểm soát mật độ người, mức độ tập trung hoạt động và áp lực lên hạ tầng nhằm duy trì chất lượng không gian. Lớp thứ ba là quản lý quá trình chuyển đổi trạng thái, với ngưỡng và quy trình chuyển đổi được xác định trước cho các thời điểm chuyển tiếp. Nội dung, công cụ và sự gắn kết của ba lớp quản lý với cơ chế của Hà Nội được khái quát trong Bảng 2.

Bảng 2. Ba lớp quản lý KGCC theo trục thời gian

| Lớp quản lý           | Nội dung quản lý                                 | Công cụ quản lý                                                      | Gắn với cơ chế Hà Nội                                        |
|-----------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Trạng thái sử dụng    | Phân định và điều hành trạng thái theo khung giờ | Quy định khung giờ, phân vùng chức năng theo thời gian               | Phân vùng động, tĩnh, chuyển tiếp                            |
| Cường độ sử dụng      | Mật độ, tập trung hoạt động, áp lực hạ tầng      | Điều tiết dòng người, giới hạn quy mô, giám sát năng lực chịu tải    | Kiểm soát cao điểm tại khu vực phố cổ, khu vực quanh Hồ Gươm |
| Chuyển đổi trạng thái | Ngưỡng và quy trình chuyển giữa các trạng thái   | Quy trình đóng và mở tuyến, chuyển đổi sự kiện, chuyển sang phục hồi | Chuyển từ giao thông sang đi bộ và ngược lại                 |

#### 2.4. Giai đoạn phục hồi trong vòng đời sử dụng theo ngày

Việc sử dụng KGCC trong một ngày có thể được nhìn nhận như một chu trình vận hành gồm các trạng thái nối tiếp nhau, trong đó sau giai đoạn hoạt động cao điểm ban đêm là giai đoạn phục hồi không gian, thường từ khoảng 02h00 đến 06h00, dành cho vệ sinh môi trường, thu gom và phân loại chất thải, hoàn trả mặt bằng, kiểm tra chất lượng không gian và chuẩn bị cho chu kỳ sử dụng tiếp theo.

Giai đoạn phục hồi có hai vai trò. Ở góc độ vận hành, giai đoạn này gắn với duy trì chất lượng không gian và kiểm soát áp lực lên hạ tầng. Ở góc độ phát triển bền vững, khả năng duy trì KTBĐ không chỉ phụ thuộc vào việc kéo dài thời gian hoạt động mà còn vào khả năng tái lập chất lượng không gian sau mỗi chu kỳ sử dụng [6], bởi việc kéo dài hoạt động ban đêm luôn đi kèm các chi phí môi trường và xã hội như ô nhiễm ánh sáng, tác động đến nhịp sinh học và gia tăng tiêu thụ năng lượng [20]. Đối với các khu vực có giá trị lịch sử và mức độ nhạy cảm cao, giai đoạn phục hồi còn góp phần hạn chế tác động tích lũy của hoạt động ban đêm đối với cảnh quan và di sản đô thị [21].

#### 2.5. Mức độ phù hợp của KGCC như một cách tiếp cận giải thích sự khác biệt

Sự khác biệt về kết quả phát triển KTBĐ giữa các KGCC có thể được lý giải từ mức độ phù hợp của chính các không gian đó. Mức độ phù hợp không phụ thuộc vào một điều kiện riêng lẻ mà là kết quả của sự kết hợp giữa các nhóm thuộc tính không gian, xã hội - văn hóa và quản lý đã được phân tích ở các mục trên; trong đó, khả năng tiếp cận, mức độ đan xen chức năng, văn hóa sử dụng không gian, quản lý theo trục thời gian và khả năng phục hồi sau mỗi chu kỳ hoạt động giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Trong nghiên cứu này, “mức độ phù hợp của không gian” được hiểu là khả năng của một KGCC trong việc hình thành, duy trì và hỗ trợ các hoạt động KTBĐ trong một khoảng thời gian xác định, đồng thời vẫn bảo đảm chất lượng không gian, giá trị văn hóa - di sản và điều kiện sống của cộng đồng cư dân. Khái niệm này được sử dụng

như một khung tổng hợp nhằm giải thích vì sao không phải mọi KGCC đều phù hợp để phát triển KTBĐ, dù có thể có điều kiện hạ tầng tương đối tương đồng.

Từ các cơ sở lý luận đã trình bày, nghiên cứu đề xuất khung khái niệm về mức độ phù hợp của KGCC đối với phát triển KTBĐ (Hình 1); trong đó, ba nhóm thuộc tính nêu trên là các thành phần cấu thành mức độ phù hợp, và quản lý theo trục thời gian được cụ thể hóa qua ba lớp quản lý đã trình bày ở Mục 2.3.



Hình 1. Khung khái niệm đề xuất về mức độ phù hợp của không gian (Spatial Suitability) đối với phát triển kinh tế ban đêm

### 3. PHÂN TÍCH TRƯỜNG HỢP HÀ NỘI VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đối chiếu các trường hợp nội đô Hà Nội

Các KGCC tại nội đô Hà Nội có nhiều đặc điểm chung: gắn với mặt nước, di sản và mạng lưới đường phố truyền thống, mức độ đan xen chức năng cao, tập quán sử dụng KGCC được tích lũy qua thời gian. Tuy nhiên, các thuộc tính này không phân bố đồng đều; chính sự khác biệt về tổ hợp thuộc tính tạo nên mức độ phù hợp khác nhau và là cơ sở để đối chiếu các trường hợp dưới đây.

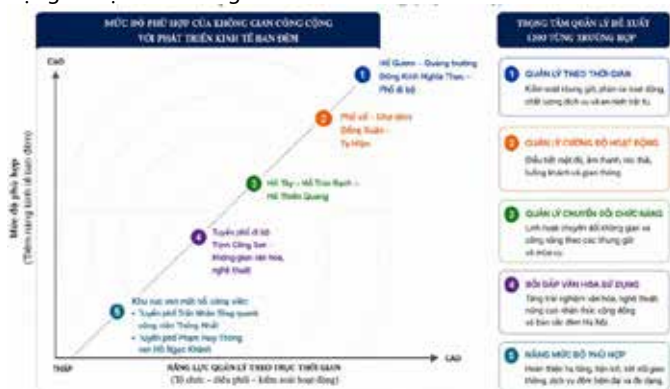
Khu vực Hồ Gươm và tuyến phố đi bộ lân cận có vị trí trung tâm, mức độ đan xen chức năng cao và văn hóa sử dụng được tích lũy qua nhiều thế hệ; các thuộc tính không gian đã hội tụ ở mức cao nên yếu tố quyết định nằm ở cách không gian được tổ chức và vận hành theo thời gian. Việc tổ chức phố đi bộ cuối tuần chuyển đổi không gian giao thông thành không gian đi bộ, duy trì dòng người và kéo dài thời gian sử dụng vào ban đêm; do nằm trong khu vực di sản có cường độ sử dụng cao, hoạt động ban đêm chỉ bền vững khi đi kèm quản lý cường độ và phục hồi sau mỗi chu kỳ. Trường hợp này cho thấy khi mức độ phù hợp đã hình thành, quản lý theo trục thời gian trở thành yếu tố quyết định khả năng kích hoạt và duy trì KTBĐ.

Khu vực phố cổ có khả năng tiếp cận cao, mạng lưới đường phố dày, sự đan xen của các chức năng ở, thương mại, dịch vụ và hoạt động công cộng, tạo nên mức độ đan xen chức năng và văn hóa sử dụng không gian thuộc loại cao nhất Nội đô, thể hiện qua hàng quán Tạ Hiện, chợ đêm Hàng Đào - Đồng Xuân và sinh hoạt vỉa hè buổi tối. Tuy nhiên, khi cường độ người sử dụng và hoạt động vượt ngưỡng chịu tải của không gian, trọng tâm quản lý chuyển từ kích hoạt sang kiểm soát mật độ, điều tiết dòng người và giảm áp lực hạ tầng. Trường hợp này cho thấy mức độ phù hợp cao chỉ được duy trì khi cường độ sử dụng nằm trong giới hạn chịu tải, bảo đảm chất lượng không gian và đời sống cư dân.

Khu vực ven Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch phản ánh một dạng phân hóa khác: mức độ phù hợp không đồng đều ngay trong cùng một hệ thống không gian. Cảnh quan mặt nước, khả năng tiếp cận thuận

lợi cùng hệ thống quản cả phê, hàng ăn ven hồ đã từng bước hình thành tập quán sử dụng không gian vào buổi tối; song sự khác biệt giữa các tuyến nằm ở mức độ đan xen chức năng: tuyến đan xen cao có các hoạt động hỗ trợ lẫn nhau, duy trì dòng người trong nhiều khung thời gian; tuyến công năng đơn điệu chỉ thu hút người sử dụng vào thời điểm nhất định, khiến hoạt động ban đêm cục bộ và thiếu liên tục. Trường hợp này cho thấy quản lý theo trục thời gian chỉ phát huy hiệu quả khi đi cùng sự hoàn thiện các thuộc tính không gian, trong đó mức độ đan xen chức năng đô thị là thuộc tính quan trọng tạo nên sự phân hóa.

Các không gian ven hồ và công viên, tiêu biểu như tuyến Trần Nhân Tông quanh Công viên Thống Nhất và tuyến Phạm Huy Thông ven Hồ Ngọc Khánh, dù được đầu tư tương đối đồng bộ về hạ tầng và cảnh quan, có mức độ đan xen chức năng chưa cao, tập quán sử dụng ban đêm chưa rõ nét và việc tổ chức hoạt động theo khung thời gian mới ở bước đầu, nên lượng người sử dụng buổi tối không ổn định, chưa đủ tạo động lực cho KTBD. Trường hợp này cho thấy hạ tầng và chất lượng không gian chỉ là điều kiện nền tảng; để hình thành và duy trì KTBD bền vững còn cần sự hội tụ của cấu trúc năng đô thị, khả năng thu hút dòng người và quá trình tích lũy hoạt động xã hội theo thời gian.



Hình 2. Sơ đồ đối chiếu khung khái niệm với các trường hợp nghiên cứu (Phân loại không gian công cộng theo mức độ phù hợp và trọng tâm quản lý để phát triển kinh tế ban đêm bền vững tại nội đô Hà Nội)

### 3.2. Đóng góp của khung khái niệm đối với công tác quản lý KTBD tại Hà Nội

Với khung khái niệm đề xuất, quản lý và phát triển KTBD ở nội đô Hà Nội cần bắt đầu từ việc nhận diện mức độ phù hợp của từng KGCC. Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ quản lý hoạt động kinh doanh sang quản lý không gian, các thuộc tính của không gian và chế độ vận hành của không gian theo thời gian.

Việc đưa một không gian vào khai thác KTBD cần dựa trên đánh giá tổng hợp các nhóm thuộc tính cấu thành mức độ phù hợp, gồm thuộc tính không gian, xã hội - văn hóa và quản lý. Trong đó, quản lý theo trục thời gian giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi nó quyết định cách không gian được kích hoạt, điều tiết, chuyển đổi và phục hồi sau mỗi chu kỳ hoạt động ban đêm.

Đối với những không gian có mức độ phù hợp cao, ba lớp quản lý cần được triển khai đồng bộ, trong đó giai đoạn phục hồi được xem là một bộ phận của chu trình vận hành. Riêng các không gian có giá trị và mức độ nhạy cảm cao như Hồ Gươm và phố cổ, kiểm soát cường độ sử dụng và bảo đảm phục hồi sau mỗi chu kỳ là điều kiện tiên quyết để duy trì hoạt động lâu dài mà không làm suy giảm chất lượng không gian và giá trị di sản. Trong khi đó, với những không gian đang hình thành văn hóa sử dụng như ven Hồ Tây, cách tiếp cận phù hợp hơn là từng bước bồi đắp tập quán sử dụng và điều chỉnh linh hoạt phương thức vận hành theo quá trình phát triển của không gian.

## 4. KẾT LUẬN

Bài báo xuất phát từ một câu hỏi thực tiễn tại khu vực nội đô Hà Nội: vì sao những KGCC có điều kiện hạ tầng tương đối tương đồng lại cho kết quả phát triển KTBD rất khác nhau. Trên cơ sở tiếp cận đô thị như một hệ thống vận hành theo thời gian, nghiên cứu đề xuất cách hiểu KTBD như biểu hiện kinh tế của trạng thái vận hành đô thị về đêm, thay vì chỉ xem đó là sự kéo dài của các hoạt động kinh doanh ngoài giờ hành chính.

Đóng góp chính của nghiên cứu là đề xuất khung khái niệm về mức độ phù hợp của KGCC đối với phát triển KTBD. Cách tiếp cận này góp phần lý giải vì sao cùng một định hướng phát triển KTBD nhưng các KGCC có thể tạo ra những kết quả rất khác nhau.

Kết quả nghiên cứu đồng thời gợi mở một cách tiếp cận mới trong quản lý không gian công cộng trong bối cảnh thúc đẩy kinh tế ban đêm: việc đánh giá mức độ phù hợp của không gian công cộng cần được thực hiện trước khi quyết định lựa chọn: địa điểm, mô hình tổ chức và cách thức vận hành sao cho phù hợp với các hoạt động kinh tế ban đêm vô cùng đa dạng tại Hà Nội nói chung và khu vực Nội đô nói riêng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam, Hà Nội, 2020.
- [2] Bộ Chính trị. Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội, 2022.
- [3] Quốc hội. Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, có hiệu lực từ 01/7/2026, Hà Nội, 2026.
- [4] UBND thành phố Hà Nội. Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 9/5/2026 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045, Hà Nội, 2026.
- [5] UBND thành phố Hà Nội. Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, Hà Nội, 2026.
- [6] Carmona, M. Public Places - Urban Spaces: The Dimensions of Urban Design, 3rd ed. Routledge, London và New York, 2021.
- [7] Roberts, M., Eldridge, A. Planning the Night-time City. Routledge, London, 2009.
- [8] Bianchini, F. Night Cultures, Night Economies. Planning Practice & Research, 10(2), pp. 121-126, 1995.
- [9] Lynch, K. What Time Is This Place?. MIT Press, Cambridge, 1972.
- [10] Henckel, D., Thomaier, S., Könecke, B., Zedda, R., Stabilini, S. (eds.). Space-Time Design of the Public City. Urban and Landscape Perspectives, vol. 15. Springer, Dordrecht, 2013.
- [11] Mareggi, M. Urban Rhythms in the Contemporary City. In: Henckel, D., Thomaier, S., Könecke, B., Zedda, R., & Stabilini, S. (eds.). Space-Time Design of the Public City. Urban and Landscape Perspectives, vol. 15. Springer, Dordrecht, pp. 3-20, 2013.
- [12] Heath, T. The twenty-four hour city concept. Journal of Urban Design, 2(2), pp. 193-204, 1997.
- [13] Jacobs, J. The Death and Life of Great American Cities. Random House, New York, 1961.
- [14] Gehl, J. Cities for People. Island Press, Washington DC, 2011.
- [15] Alexander, C. et al. A Pattern Language. Oxford University Press, New York, 1977.
- [16] Marshall, S. Streets and Patterns. Spon Press, London, 2005.
- [17] Lynch, K. Good City Form. MIT Press, Cambridge, 1981.
- [18] Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 quy định về phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội, có hiệu lực từ 01/7/2026, Hà Nội, 2026.
- [19] Zambianchi, M. The Area Governance Plan and the Territorial Time Plan of the City of Bergamo. In: Henckel, D., Thomaier, S., Könecke, B., Zedda, R., & Stabilini, S. (eds.). Space-Time Design of the Public City. Urban and Landscape Perspectives, vol. 15. Springer, Dordrecht, pp. 227-243, 2013.
- [20] Pottharst, M., Könecke, B. The Night and Its Loss. In: Henckel, D., Thomaier, S., Könecke, B., Zedda, R., & Stabilini, S. (eds.). Space-Time Design of the Public City. Urban and Landscape Perspectives, vol. 15. Springer, Dordrecht, pp. 37-48, 2013.
- [21] UNESCO. Recommendation on the Historic Urban Landscape. UNESCO, Paris, 2011.